

N G H I È N C Ú U
VĂN HỌC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VÀ LỊCH SỬ VĂN HỌC



SỐ 8 - 2015

N G H I È N C Ú U
VĂN HỌC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VÀ LỊCH SỬ VĂN HỌC

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC ***



8 - 2015

VIỆN VĂN HỌC - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC

Số 8 (522)

Tháng 8-2015

Q. Tổng biên tập: PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch:

PGS.TS. Nguyễn Đăng Đierce

Ủy viên:

PGS.TS. Trần Thị An

PGS.TS. Trương Đăng Dung

PGS.TS. Đoàn Lê Giang

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

PGS.TS. Lưu Khánh Thơ

GS.TS. Trần Ngọc Vương

MỤC LỤC

Chuyên san Kỷ niệm 250 năm sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765 – 2015)

LỜI ĐẦU SỐ	3
TRÂN ĐÌNH SỬ	
Chữ thân và vấn đề thân phận trong tư tưởng <i>Truyện Kiều</i>	4
TRÂN NHO THÌN	
Các vấn đề của <i>Truyện Kiều</i> qua lịch sử tiếp nhận hai thế kỷ	12
LÝ TOÀN THẮNG	
Trở lại câu chuyện gieo vần trong <i>Truyện Kiều</i>	29
AHN KYONG HWAN - ĐINH THỊ KHANG	
Cung đàm bạc mệnh trong <i>Truyện Kiều</i>	37
TRIỆU NGỌC LAN	
<i>Truyện Kiều</i> – tác phẩm kinh điển của sự hòa quyện văn hóa Trung – Việt	49
BOUNTHENG SOUKSAVATD	
Người Việt ở Lào với <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du	59
NGUYỄN VĂN DÂN	
<i>Truyện Kiều</i> từ góc nhìn văn học so sánh	67
MAI AN NGUYỄN ANH TUẤN	
<i>Truyện Kiều</i> : Từ văn học tới điện ảnh – một phương thức diễn dịch nghệ thuật	83
*	
HÀ MINH	
Bàn tiếp vấn đề văn bản và tác phẩm <i>Chiêu hồn</i> của Khuất Nguyên và <i>Phản Chiêu hồn</i> của Nguyễn Du	93
LÊ THU YÊN	
Kiểu tác giả Nguyễn Du và hành trình khắc khoải đi tìm mình	107

NGUYỄN KIM CHÂU

Nhận thức về cái phi lý trong thơ chữ Hán Nguyễn Du

121

NGUYỄN ĐÌNH PHÚCNghiên cứu lời bình của Nguyễn Du trong *Hoa nguyên thi thảo*

134

TRAO ĐỔI Ý KIẾN**NGUYỄN HỮU SƠN**Bình luận việc so sánh *Truyện Kiều* với *Kim Vân Kiều* truyện của ông Đồng Văn Thành

149

VĂN HỌC VÀ NHÀ TRƯỜNG**NGUYỄN HUY HOÀNG**Tình hình dịch, nghiên cứu, giảng dạy *Truyện Kiều* tại Liên bang Nga

161

ĐỌC SÁCH**BÙI QUANG THANH**Nghiên cứu *Truyện Kiều* những năm đầu thế kỷ XXI

167

TIN TỨC**P.V**

Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nhà văn Việt Nam khóa IX

171

P.V

Hội thảo Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng từ khởi nguồn Dục Tú – Đông Anh

172

P.V

Hội nghị Báo chí văn nghệ toàn quốc năm 2015

173

P.VHội thảo Đại thi hào Nguyễn Du và kiệt tác *Truyện Kiều*

174

BAN BIÊN TẬP VÀ TRỊ SỰ

PGS.TS. LƯU KHÁNH THƠ (Trưởng ban)

ThS. ĐOÀN ÁNH DƯƠNG (Phó ban)

ThS. NGUYỄN THỊ KIM NHẬN

NGUYỄN THÀNH LONG

DƯƠNG HUYỀN NGA

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ: 20 LÝ THÁI TÓ, HÀ NỘI ★ Tel: (04) 3825 2895 (115) ★ Fax: (04) 3825 0385.

EMAIL: nghiencuuvanhoc@yahoo.com ★ WEBSITE: <http://vienvanhoc.vass.gov.vn>

GP SỐ 283/GP-BVHTT NGÀY 23-5-2001. IN TẠI XÍ NGHIỆP IN TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

GIÁ: 35.000Đ

LỜI ĐẦU SỐ

Nguyễn Du (1765-1820) không chỉ là đại thi hào của dân tộc Việt Nam mà còn được cả thế giới vinh danh, ngưỡng mộ. Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) trong kỳ họp lần thứ 37 (2013) đã quyết định kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du vào năm 2015. Tại Việt Nam, Ban Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo: “Đồng ý chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2015. Tỉnh Hà Tĩnh chủ trì tổ chức Lễ kỷ niệm; mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước tham dự” (Công văn số 8467-CV/VPTW, ngày 15/8/2014)...

Thực hiện ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học* đã chủ động thực hiện nhiều cụm chuyên đề như kỷ niệm 240 năm sinh Nguyễn Du (số 3-2005), 200 năm Nguyễn Du đi sứ nhà Thanh và viết *Bắc hành tạp lục*, 1813-2013 (số 12-2013) và khởi động chuẩn bị kỷ niệm 250 năm sinh Nguyễn Du (số 10-2014)...

Đến số chuyên san *Kỷ niệm 200 năm sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-1820)* lần này, Tạp chí dành trọn số trang để in một số bài tiêu biểu rút từ 102 tham luận Hội thảo khoa học quốc tế “Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức vào ngày 8-8-2015. Số chuyên san phản ánh chủ yếu những kiến giải mới về giá trị tư tưởng, nghệ thuật, chiều sâu văn hóa từ diêm nhìn lý thuyết tiếp nhận, thi học, văn học so sánh và liên ngành xoay quanh kiệt tác *Truyện Kiều*. Phần tiếp theo gồm các tiểu luận khảo sát văn bản thi phẩm *Phản Chiêu hồn* và bộ phận thơ chữ Hán xuất sắc của Nguyễn Du. Các chuyên mục thường kỳ cũng tập trung lý giải, xác định sức sống mãnh liệt, giá trị và vị thế kiệt tác *Truyện Kiều* trong vai trò “người môi giới” văn hóa Việt - Trung, trong nhà trường Liên bang Nga, trong tiến trình hội nhập và phát triển văn học Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI... Bên cạnh tính học thuật, các mục bài cũng thể hiện được mối quan tâm sâu rộng của các nhà Kiều học ở trong nước và quốc tế, các trung tâm nghiên cứu và giảng dạy khắp các vùng miền, các thế hệ khác nhau.

Rất tiếc do điều kiện thời gian phải tập hợp bài từ nửa đầu tháng 7-2015 nên các tham luận gửi đến sau đã không kịp xuất hiện trong số Tạp chí này.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC – VIỆN VĂN HỌC

NHẬN THỨC VỀ CÁI PHI LÝ TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN DU

NGUYỄN KIM CHÂU^{*}

1. Đến thế kỷ XX, lý thuyết về cái phi lý mới được đúc kết thành một trào lưu tư tưởng nhưng nhận thức về sự phi lý thì tồn tại ở bất kỳ thời đại nào. Nếu ở phương Tây, huyền thoại Sisyphus trở thành niềm cảm hứng sâu sắc cho A. Camus khi viết tiểu luận triết học quan trọng của mình về cái phi lý thì ở phương Đông, người Trung Quốc từ xa xưa đã nhắc đến một nhân vật huyền thoại tên là Ngô Cương, người từng chịu hình phạt dùng búa đẽo cây quế trên cung trăng nhưng khi gần đứt lìa thì cây liền trở lại nên việc không bao giờ xong (*Dại dương tạp trò*). Điển cố Trung Hoa còn có khá nhiều hình tượng tương tự, từ con chim Tinh Vệ tha đá (*Son hải kinh*) đến ông già Ngu công ngó ngắn dời núi hay anh chàng nước Kỷ lúc nào cũng bị ám ảnh bởi nỗi lo trời sập (*Liệt tử*)... Những hình tượng đó phản nào phản ánh nhận thức của con người tư tưởng khi anh ta nhận ra mọi nỗ lực khổ ái của bản thân nhằm đạt tới một lý tưởng được mặc định là cao cả, nhưng cuối cùng đều không đi tới đâu hoặc chỉ dẫn anh ta trở về điểm ban đầu. Chìm đắm trong nỗi buồn, trong cảm giác bế tắc không tìm được ý nghĩa đích thực của sự tồn tại, anh ta trở thành con người cô đơn, xa lạ với cuộc đời, với chính mình, một dạng tâm lý phản ánh sự khủng hoảng của thân phận do tác động bởi sự khủng hoảng của thời đại.

Có thể tìm thấy dấu ấn khá rõ nét của những nhận thức nêu trên trong thơ chữ Hán Nguyễn Du qua rất nhiều câu hỏi. Ông hỏi trời, hỏi người xưa, hỏi hồn và hỏi chính mình nhưng chung quy, những câu hỏi đó thường không có lời giải đáp. Chúng chỉ cho thấy sự mơ hồ, nửa vời về thái độ

^{*} PGS.TS – Trường Đại học Cần Thơ.

chính trị; sự mâu thuẫn trong cảm quan về lịch sử, cuộc đời, văn chương hay nỗi day dứt về sự vô nghĩa của kiếp người, sự phi lý của mọi cố gắng tìm kiếm một hướng đi, một cách sống, một vị trí thích ứng cho bản thân trong những cơn ly loạn thời Lê mạt - Nguyễn sơ. Sự phức tạp đó khiến cho việc tìm hiểu tâm sự u uất của Nguyễn Du qua thơ chữ Hán, đến nay, vẫn là một trong những trường hợp khó lý giải của lịch sử văn học trung đại. Xuất phát từ thực tế đó, bài tham luận đặt vấn đề thử làm rõ hơn tâm sự của Nguyễn Du trên cơ sở nhận thức về cái phi lý, với hi vọng, từ hướng tiếp cận này, có thể nhìn thấy rõ hơn tầm cao và chiều sâu tư tưởng của một thiên tài luôn trăn trở hướng tới những giá trị đích thực, lớn lao, vĩnh hằng của nhân sinh, của văn chương chứ không chỉ băn khoăn với lý tưởng lập thân, với số phận cá nhân, hay những vấn đề chính trị có ý nghĩa giới hạn trong một phạm vi không - thời gian nhất định.

2. Thái độ của Nguyễn Du đối với các triều đại phong kiến đương thời là một án số khó giải. Xuất thân từ một dòng họ từng có những người làm quan to cho triều Lê, lý ra Nguyễn Du phải là người tha thiết gắn bó và bày tỏ lòng trung thành sâu sắc với vương triều này, thế nhưng trong thơ chữ Hán của ông, tình cảm đối với nhà Lê chung quy cũng chỉ là mô thức hoài cổ đã trở thành dấu ấn chung cho cả một thời đại văn học tôn sùng các công thức ước lệ, quanh đi quẩn lại, chỉ thấy rõ nhất niềm tiếc nuối cho một vương triều vang bóng khi ông có dịp trở lại cố đô, nhìn mảnh trăng ngày xưa soi ngói thành mới (*Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành - Thăng Long, II*)⁽¹⁾, những ngôi nhà nguy nga trước kia, giờ đã thành đường cái hay dãy thành mới đã làm mất đi dấu vết cung điện cũ (*Thiên niên cự thát thành quan đạo/ Nhất phiến tân thành một cổ cung - Thăng Long, I*)... Trong thực tế, Nguyễn Du cũng từng nung nấu ý định chống Tây Sơn nhưng thực hiem thấy tâm trạng phản uất, căm thù, mà chỉ có niềm tiếc thương cho một triều đại sớm lui tàn in đậm dấu ấn trong một số bài thơ, đặc biệt là *Long thành cầm giả ca*. Nguyễn Du cũng chẳng tha thiết với triều Nguyễn dù được Gia Long đặc biệt chú ý, trọng dụng. Rất nhiều lần, ông bày tỏ tâm trạng dè dặt, chán chường, cảm thấy tâm thân như bị cầm tù trong lòng cũi, không dám nhìn chân trời mà than thân luân lạc (*Thứ thân dĩ tác phản lung vật/ Hà xú trùng tâm hân mạn du - Tân thư ngẫu hứng*), thậm chí không mừng rỡ mà còn lo sợ, lạnh thấu xương khi

nhận nhiều ân sủng của nhà vua (*Quân ân tự hải hào vô báo/ Xuân vũ nhu cao cốt tự hàn - Nam quan đạo trung*). Lúc nào ông cũng than thở rằng đầu đã bạc mà vẫn phải vất vả trên hoạn lộ vạn dặm, mịt mù không nhận ra đường về quê hương (*Bạch đầu thiên lý tẩu thu phong/ Mang nhiên bất biện hoàn hương lô - Nhiếp khẩu đạo trung*); dè dặt tự cho mình là bất tài nên làm việc quan cứ sợ sai lầm (*Bát tài đa khùng tóc quan phi - Giang đầu tản bộ*); bị ám ảnh khi phải sống trong cảnh những con chim ở vườn thượng uyển thường ganh ghét nhau vì sắc đẹp (*Thượng uyển oanh kiều đà đồ sắc - Tống nhân*); phản uất nhưng câm nín vì thân làm quan mà khi gặp việc cũng phải e dè những kẻ đồ lộ hay lên mặt, kiêu ngạo với mình (*Sự lai đồ lộ gai kiêu ngã - Ngẫu đắc*)...

Quan niệm của Nguyễn Du về các triều đại và nhân vật lịch sử Trung Hoa cũng không rạch ròi khen chê theo cách tiếp cận từng thấy trong thơ vịnh sử Việt Nam thời kỳ trung đại. Trong cái nhìn của ông, thật phi lý khi nhân loại phải gánh chịu một cõi càn khôn nhơ nhớp sau những cuộc huyết chiến tàn khốc giữa những phe phái quyền lực bất kể chính tà (*Tri ué càn khôn huyết chiến dư - Bát muộn*), để cuối cùng thì tất cả các triều đại nghìn năm qua đi, nước chảy mây trôi cuốn cả cơ đồ bá vương, chỗ Tôn Quyền, Lưu Bị tranh giành khi xưa, chỉ còn lại màu cỏ xanh biếc (*Tôn sách Lưu phân hà xú tại/ Thương nhiên nhất vọng tần bình vu - Sở vọng*). Ông chua chát nhận ra sự nghiệp vang danh của những chính trị gia, những anh hùng hóa ra cũng chỉ vô nghĩa. Quản Trọng phí sức làm quan được lòng vua nhưng rốt lại vẫn bị người đời sau chê công nghiệp tầm thường (*Tại triều xảo dữ quân tâm hợp/ Một thế chung liên tướng nghiệp ti - Quản Trọng tam quy dài*). Trung thần như Nhạc Phi thì phải đổ máu lúc sống còn gian nịnh như Tân Cối thì bị hành hạ khi chết rồi cũng chỉ là vô nghĩa, cuối cùng, thật vô lý khi cả hai đều được dựng tượng lưu lại ngàn sau:

Ngục trung dĩ tiên sinh tiền huyết;

Giai hạ đồ tru tử hậu gian;

Đắc dữ trung thần đồng bất hủ;

Tè thiên ký phúc, thái vô đoan.

(*Tân Cối tượng, II*)

(Trong ngục, trung thần khi sống phải đổ máu/ Dưới thềm hành tội kẻ gian thần đã chết cũng chỉ là vô ích/ (Nó) cũng bất hủ như trung thần vậy/ Cái phúc lạ lùng tày trời của nó thật là vô lý quá).

Nói chung, thật khó tìm thấy trong thơ chữ Hán Nguyễn Du những trường hợp thể hiện rõ một lập trường chính trị rạch ròi, khen hay chê, ủng hộ hay chống đối mà chủ yếu chỉ có cái nhìn gần như là của một người ngoài cuộc, có phần chua chát, buồn thảm về thời thế, về lịch sử. Cái nhìn đó có nguyên nhân sâu xa từ sự khủng hoảng lý tưởng của người trí thức trong một thời đại mà sự phân hóa, xung đột quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến dẫn đến tình trạng cát cứ, nội chiến đẫm máu – hậu quả từ những thế kỷ trước vẫn còn tiếp diễn và tác động sâu sắc ở nhiều phương diện.

Nếu trước kia, Nguyễn Bỉnh Khiêm từng có một niềm tin mạnh mẽ khi dựa vào Dịch học để giải thích sự suy thoái của nhà nước phong kiến thời ông sống chỉ là một giai đoạn tất yếu của chu trình hết một đời tri lại đến một đời loạn (*Thế trị nhất thế loạn - Cảm thời cổ ý*) để rồi tin tưởng sâu sắc vào quy luật vận hành tuần hoàn hết con bì cực sẽ đến lúc thái lai, thì ở thời Nguyễn Du, niềm tin đó bị lung lay đến tận gốc rễ. Con người tư tưởng chừng như hoàn toàn bế tắc không thể giải thích được những biến động lịch sử bất ngờ, dữ dội, nên việc lựa chọn một thái độ, mục đích, hướng đi trong đời mình là hết sức khó khăn. Giữ lòng trung với nhà Lê là điều phi lý khi thực ra Nguyễn Du chỉ hưởng chút lộc thừa của một vương triều suy thoái tàn tệ đã đến hồi cáo chung như một kết quả tất yếu của lịch sử. Ông cũng đành phải từ bỏ ý định đầy ảo tưởng khi cố gắng tìm cách chống lại sức mạnh bao tát của phong trào Tây Sơn quét phăng hơn hai mươi vạn quân Thanh và hai tập đoàn Lê - Trịnh ở đảng Ngoài cùng chúa Nguyễn ở đảng Trong. Nguyễn Du cũng chẳng tha thiết với nhà Nguyễn bởi chắc hẳn đã từng chứng kiến sự trả thù tàn bạo của Gia Long với vương triều trước đó.

Sự khủng hoảng không thể giải thích được của lịch sử khiến con người cảm thấy sự tồn tại và cả những nỗ lực của bản thân để tìm kiếm một lý tưởng đích thực đều trở thành vô nghĩa. Vất vả chống lại Tây Sơn mà làm gì để cuối cùng phải đau xót ngừa mặt nhìn trời khi nhận ra cả hùng tâm lẫn sinh kế đều mờ mịt (*Tráng sĩ bách đầu bi hướng thiên/ Hùng tâm*

sinh kế lưỡng mang nhiên - Tạp thi); Lần lữa bên trời với một chức quan nhỏ mọn (*Nhân ý thiên nhai trệ nhất quan - Ngẫu thư công quán bích*) mà làm gì khi chốn quan trường hiềm trớ còn phận mình đơn độc như cành trôi bèo nổi, không mưu tính được việc gì? Nhạc nhàn cả đời tìm công danh như Tô Tân cuối cùng cũng chỉ để danh lụy vào thân, già như Mã Viện vẫn cố lên ngựa chinh chiến chẳng qua cũng chỉ mua được một tiếng cười của nhà vua mà quên mất nỗi thương xót của anh em trong xóm làng (*Điện đình chỉ bác quân vương tiếu/ Hương lý ninh tri huynh đệ bi - Giáp thành Mã Phục Ba miếu*). Phạm Tăng và bao nhiêu người từng trung thành với triều đại mình phụng sự, cuối cùng vẫn bị thiên hạ cười là ngu (*Đa thiểu nhất tâm trung sở sự/ Mỗi vi thiên hạ tiếu kỳ ngu - Á phụ mộ*). Thậm chí cái án ba chữ “mạc tu hữu” đầy phi lý của Nhạc Phi còn cho thấy rằng ở thời đại đó, một vị trung thần dày công trận mạc cũng có thể bị giết chết bất kỳ lúc nào mà không cần lý do (*Nhạc Vũ Mục mộ*)... Có thể nói, Nguyễn Du là nhà thơ nhận thức một cách sâu sắc và đề cập nhiều nhất đến sự vô nghĩa, phi lý trong mọi nỗ lực phán đấu của một kẻ sĩ chân chính ở thời đại mà lý tưởng lập thân và hoài bão chính trị Nho gia trở nên phù phiếm, chông chênh, mơ hồ. Căn nguyên thái độ chính trị phứa tạp của Nguyễn Du phải chăng chính là ở đó?

3. Sự khủng hoảng về mặt lý tưởng cũng dẫn đến sự phứa tạp, mâu thuẫn trong cảm quan về văn chương và cuộc đời của Nguyễn Du. Lẽ thường, đã là người sống chét với văn chương, ai lại không ca ngợi, đề cao vị trí, ý nghĩa của văn chương. Nguyễn Du cũng không phải là một nho sĩ bất đắc chí, đèn sách cả đời nhưng không được làm quan nên chán ngán, không còn tha thiết với thi thu, chữ nghĩa mà ngược lại, ông là một trường hợp khá đặc biệt vì được triều Nguyễn ưu ái, thăng chức liên tục. Thế nhưng, trong lịch sử văn chương trung đại, Nguyễn Du lại là người nói rất nhiều và rất chua chát về sự phù phiếm của công danh, sách vở, văn chương. Thơ ông day dứt mãi với câu hỏi vì sao trời lại ghét người tài và người càng có tài văn chương lại càng vất vả, lận đận: Văn chương nào ghét số mệnh/ Vì sao trời đất ghen làm người (*Bản vô văn tự năng tăng mệnh/ Hà sự càn khôn thác đó nhân - Tự thân 2*); Phàm những người sinh ra có tính cách khác thường hay bị trời ghen ghét, không dùng (*Phàm sinh phú kỳ khí/ Thiên địa phi sở dụng - Điện khuyên*); Trời sinh người tài mà

không có chỗ dừng (*Thiên giáng kỳ tài vô dụng xír - Trường Sa Giả Thái phó*)... Thơ ông cũng tràn ngập nỗi trăn trở về sự bế tắc, quẩn quanh với mớ chữ nghĩa văn chương xơ xác như phượng bị nhốt trong lồng, công danh tuột mất như rắn bị đuôi vào hang (*Sinh bình văn thái tàn lung phượng/ Phù thê công danh tẩu hác xà - Tống Nguyễn sĩ hữu nam quy*). Trăm năm kiết xác với văn chương chung quy cũng chỉ còn lại tấm thân sáu thước lênh đênh trong vòng trời đất (*Bách niên cùng tử văn chương lý/ Lục xích phù sinh thiên địa trung - Mạn hứng 2*). Cả đời chuyên học từ phú chỉ là vô ích, sách đàn đầy giá chỉ có mình làm ngu mình (*Nhất sinh từ phú tri vô ích/ Mẫn giá cầm thư đồ tự ngu - Mạn hứng*). Cùng khổ như Đỗ Phú phải chăng chỉ là vì hay thơ (*Nhất cùng chí thử khởi công thi - Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ*). Vang danh là một trong bát đại thi gia làm gì để cuối cùng sách vở cũng bị đốt, đời sau cũng chỉ còn lại một nấm mò hoang lạnh làm hang ổ cho chuột cáo (*Thu thảo nhất khâu tàng thử lạc/ Danh gia bát đại thiện văn chương - Âu Dương Văn Trung chi mộ*). Trong *Điệp tử thư trung*, Nguyễn Du miêu tả một hình ảnh khá đặc biệt: con bướm chét trong trang sách. Đó là một biểu tượng phản nào mang dấu ấn của tư tưởng Trang Chu về giác mộng đòi người hú ảo nhưng điểm chính yếu là trong sự ngưng đọng bất tử của một vẻ đẹp mong manh, có thể nghe được tiếng khóc vô thanh của Nguyễn Du, người vẫn tha thiết sống chết với văn chương dù hiểu rõ sự phù phiếm, ảo vọng của nó và thân phận bạc bẽo của chính mình khi đi trên con đường khổ ải và vô nghĩa này:

*Bạc mệnh hữu duyên lưu giàn tịch;
Hòn tàn vô lẻ khóc văn chương.*

(Mệnh bạc lưu lại trong sách vở/ Hòn tàn không nước mắt khóc văn chương)

Không chỉ ngao ngán với định mệnh, sách vở, văn chương, Nguyễn Du còn là người nói rất nhiều về giác mộng công danh hú ảo mà vì nó, biết bao người phải lận đận, khốn khổ, thậm chí phải trả giá bằng chính sinh mệnh của mình. Với ông, phú quý từ ngàn xưa chỉ là cái mồi của sự tranh đoạt (*Thiên niên phú quý cung tranh đoạt - Thăng Long 2*), danh lợi thì như áng mây buổi sớm bay trước mắt còn vinh hoa như mặc áo gấm đi đêm, ảo ảnh ngoài thân (*Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyền/ Triều vân danh lợi nhân tiền phi - Đại tác cứu thú tư quy*)... Đáng chú ý nhất là hình ảnh

những con đường, những dòng sông trong thơ chữ Hán Nguyễn Du. Bên cạnh ý nghĩa thực tế gắn với những chặng hành trình luân lạc nơi chân trời góc biển và chuyến đi sứ năm 1813, chúng còn là những biểu tượng gợi nỗi ám ảnh, lo sợ, cảm giác mệt mỏi rã rời của con người khi đối diện với hoạn lộ đầy chông gai, hiểm trở chực chờ. Đó là những con đường mênh mang vạn dặm, chìm lấp trong đám bụi hồng mù mịt chẳng biết đâu là điểm đến và cũng không biết có đến được hay không nhưng mọi người đều tắt tá ngược xuôi, chen chúc trong mê muội (*Vạn cổ nhất hồng trần/ Kỳ trung giao lục lục - Lý gia trại tảo phát*); Đường quan muôn dặm, gió bụi nhiều (*Vạn lý quan đạo đa phong ai - Lưu Linh mộ*); Đường đời đầy gió bụi quả là dơ đục (*Thé lô trần ai tin hồn trọc - Đào hoa đàm Lý Thanh Liên cựu tích*); Trời bể mênh mang, đường xa ngàn dặm (*Hải thiên mang diều thiên dư lý - Úc gia huynh*)... Đó là con sông Lam giang sóng dâng cao như những con quỷ kỳ dị, nguy hiểm làm nản lòng người (*Hồng đào kiến kỳ quỷ/ Nguy hiểm thẳng nhân tâm - Lam giang*); là dòng sông ở núi Ngũ Chỉ, sóng bạc cuồn cuộn như rồng rắn còn núi xanh hai bên bờ như hùm beo (*Bạch ba chung nhật tẩu xà long/ Thanh sơn lưỡng ngạn giao sài hổ - Bát tiên hành*); là dòng sông Ninh Minh sâu chẳng biết đâu là đáy (*Nguy hổ đai tai một vô đέ*), giữa sông, những hòn đá quái dị to nhỏ như rồng, rắn, hổ, báo, trâu, ngựa nằm phục bày trận địa chực chờ nhân chìm thuyền (*Trung hữu quái thạch sâm sâm nhiên/ Hữu như long xà hổ báo ngưu mã la kỳ tiền*), dưới đáy vực sâu thì thuồng luồng, ly long ẩn hiện khiến người đi qua phải thấp thỏm lo sợ (*Giao long xuất một thành trùng uyên - Ninh Minh giang chu hành*)...

Tiến thân đầy thuận lợi trên hoạn lộ nhưng lại ngao ngán, sợ hãi hoạn lộ, sống chét với văn chương nhưng lại mỉa mai cho sự vô ích của văn chương, thực tài được ưu ái nhận nhưng vẫn than thở vì sự đố kị của định mệnh siêu hình với tài năng... thực tế đầy mâu thuẫn này phải chăng cũng là hệ quả của nhận thức về sự phi lý khi Nguyễn Du đau đớn nhận ra thời kỳ hưng thịnh của nhà nước phong kiến đã đi qua, quan trường triều Nguyễn chỉ là chốn ngột ngạt đầy hiểm trở, cạm bẫy đe dọa người tài, còn văn chương trong thời đại của ông thì chỉ nhằm phục vụ cho mục đích tiền thân đầy thực dụng hơn là hướng tới những giá trị vĩnh hằng. Phải chăng, vì đã chứng kiến biết bao điều phi lý, không thể

giải thích được trong cuộc đời thăng trầm của mình nêu, khi viết *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã có ý nhấn mạnh những chi tiết phi lý chi phói dai dẳng số kiếp đoạn trường của nàng Kiều, từ một vụ án như ở trên trời rơi xuống với những lý do hết sức phi lý đến những cách xử kiện quái dị, những bản án dở khóc dở cười gợi nhớ các tình tiết trong *Vụ án* của F. Kapka; từ một cuộc sống không ra sống, sống mà không biết để làm gì nhưng chết thì không thể chết được đến màn tái hợp đầy phi lý khi hai người yêu nhau phải sống cùng một mái nhà nhưng trong tình cảnh gượng gạo của hai kẻ xa lạ, đầy tủi hổ, mặc cảm... Sự khủng hoảng về mặt lý tưởng, nhận thức về sự phi lý của thân phận con người trong một thời đại đầy ly loạn, nỗi ám ảnh về sự vô nghĩa trong mọi nỗ lực tiến lên nhưng cuối cùng chẳng rõ mình sẽ đi tới đâu và để làm gì.. khiến con người trong thơ chữ Hán Nguyễn Du phần nào có bóng dáng của kiểu hình nhân vật trong văn học phi lý thế kỷ XX, những con người “không mục đích, quên mất mục đích, con người bị chặt đứt khỏi những gốc rễ cốt yếu, siêu nghiệm của nó” (E. Ionesco)⁽²⁾.

4. Khi sống trong cảm giác đau khổ, bế tắc vì không thể lý giải được sự phi lý của thực tại và bản thể, con người dần chìm sâu vào nỗi cô đơn, dần vặt bởi cảm giác xa lạ với cuộc đời và với chính mình. Con người trong thơ chữ Hán Nguyễn Du cũng bị ám ảnh khắc khoải bởi cảm giác cô đơn và xa lạ đó. Thơ ông tràn ngập nỗi buồn, lúc nào cũng xót thân tui phận, thấy mình vô ích, vô dụng. Nguyễn Du nói rất nhiều về “tóc bạc”. Trong *Nam trung tạp ngâm* hay *Bắc hành tạp lục*, có thể đó là hình ảnh tả thực nhưng trong *Thanh Hiên thi tập* thì nhiều khả năng đó là một hình ảnh biếu trưng bởi ông viết những bài thơ trong tập này lúc còn khá trẻ. Tuy nhiên, ngay cả khi tóc bạc sớm là một sự thực thì Nguyễn Du cũng đã là một kẻ xa lạ, xương bọc da, trong đám người phong trần nằm bê trệ nơi đất khách (*Phong trần đội lý lưu bì cốt - Trệ khách*), một con người mà từ thời trẻ, tóc đã sớm bạc, già cỗi, héo hắt, lúc nào cũng trầm ngâm, u uất, suy tư về thời đại và thân phận, băn khoăn như ngọn cỏ bồng lia gốc, không biết sẽ trôi giạt về đâu (*Đoạn bồng nhất phiến tây phong cáp/ Tát cánh phiêu linh hà xúi quy - Tự thân*).

Mái tóc bạc cùng hình hài gầy gò, khuôn mặt đen sạm, áo rách nón cời khiến con người nép bên đường mà đi trở thành một kẻ lữ hành cô độc, xa

lạ giữa dòng đời tất tả xuôi ngược, xa lạ đến mức ngay cả Nguyễn Du cũng không nhận ra được sự thay đổi của chính mình:

Hữu nhất nhân yên lương khả ai,

Phá y tàn lạp sắc như hôi.

Tị nhân dân mịch đạo bàng tav,

Tri thị Thăng Long thành lý lai.

(*Ngẫu hứng 5*)

(Có một người kia thật đáng thương/ Áo rách nón cời, sắc mặt đen sạm như tro/ Lánh người chỉ tìm bên đường mà đi/ Biết đó là người từ Thăng Long về).

Khi làm quan, Nguyễn Du cũng là một kẻ tách biệt, lặng lẽ giữa đám người chen chúc ồn ào, say sưa với công danh nênh thường than thở cái thân làm quan riêng gửi chôn xa lạ (*Thù phương độc thác hữu quan thân - Ngẫu đặc*). Nguyễn Du nhắc đến Khuất Nguyên trong khá nhiều bài thơ có nội dung bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc với thân phận của một vị quan chức dũng cảm, đơn độc trong cuộc chiến đấu chống lại cái ác nhưng rốt lại cũng chỉ là vô nghĩa. Qua cái nhìn u uất của ông, Khuất Nguyên cũng là một con người xa lạ trong một thời đại đầy phi lý và tàn bạo, ở đó người trung liệt thì hận hưu mà kẻ xấu xa, nịnh hót, ác nghiệt thì dãy dày. Cho nên, dù ngàn năm có gọi hồn Khuất Nguyên thì hồn vẫn không về (*Thiên cổ chiêu hồn chung bất phản - Ngũ nguyệt quan cạnh độ*), bởi nếu hồn có trở về thì cũng chẳng biết nương tựa vào đâu khi khắp cõi người đều là sông Mịch La, cá rồng, hùm sói chực chờ nuốt thịt người nhai ngọt xót (*Đại địa xúi xúi giai Mịch la/ Ngư long bất thực, sài hồ thực - Phản chiêu hồn*). Nguyễn Du nói về Khuất Nguyên nhưng cũng là nói về chính mình, người mang thân phận đáng thương của một kẻ xa lạ, một tấm lòng cô trung, nghìn thuở chẳng ai thương vì tình một mình (*Thiên cổ thùy nhân liên độc tình/ Tứ phuong hà xúi thác cô trung - Tương Đàm điếu Tam Lư đại phu 2*).

Càng chìm sâu trong cảm giác cô đơn và xa lạ, Nguyễn Du càng cảm nhận sâu sắc sự hư ảo, vô nghĩa của kiếp người. Thơ ông lặp đi lặp lại rất nhiều lần những hình ảnh “đời người ngắn ngủi”, “cuộc phù sinh”, “thập tai phong trần”, “thân thế trăm năm phó mặc cho gió bụi (*Bách niên thân thế ủy phong trần - Mạn hứng 1*), đầu bạc thường hận vì thời gian trôi mau

(*Bạch đầu đa hận tué thời thiên - Quỳnh Hải nguyên tiêu*), cõi tràn tröm năm chỉ là giấc mơ mờ mắt (*Trần thế bách niên khai nhãm mộng - La Phù giang thủy các độc tọa*), đời tröm năm có biết bao chuyện thương tâm (*Bách niên đa thiểu thương tâm sự - Giang đình hữu cảm*), tröm năm thám thoát có là bao (*Thuần túc bách niên nǎng kỷ thi - Long Thành cầm giả ca*). Ngay trong cảm nhận về thời gian đời người ngắn ngủi cũng đã hàm chứa nỗi day dứt về cái phi lý tồn tại như một thực tế hiển nhiên trong hành trình nhân sinh. Thật vô lý khi thời gian là kẻ thù của con người nhưng con người vẫn mong ngày mai đến, dù mỗi ngày trôi qua, ta càng gần hơn với cái chết. Thật vô lý khi thời gian đời người ngắn ngủi nhưng con người chỉ biết nhọc nhằn trên đường công danh mù mịt mà không chịu tranh thủ vui hưởng một phút giây hạnh phúc, xa ngoài cuộc thế như Dương Chu xưa từng tiếc rẻ. Cho nên, Nguyễn Du hay nói về một vùng đất hạnh phúc, bình yên, xa ngoài cõi trần ai, một xóm nhỏ trên núi cao, nơi mà người trong núi không hề biết những cuộc hưng phế ở ngoài núi (*Sơn ngoại hưng dữ phế/ Sơn trung giao bất tri - Hoàng mai sơn thượng thôn*); một xóm nhỏ nằm giữa muôn ngọn núi, xa cách gió bụi (*Vạn sơn thâm xứ tuyệt phong tràn*), ở đó, áo mũ các cụ già vẫn theo kiểu đời Hán còn năm tháng thì khác với đời Tần (*Trưởng già y quan do thị Hán/ Sơn trung Giáp Tý quỳnh phi Tần - Sơn thôn*)...

Đọc thơ Nguyễn Du, có cảm giác lúc nào ông cũng sot ruột chờ đợi dù biết rằng điều mà mình chờ đợi khó thực hiện được: khi sống cảnh vất vả luân lạc thì chờ đợi công danh trong mòn mỏi, cứ than thở rằng sống chưa làm nên danh vọng gì, người đã suy yếu (*Sinh vị thành danh thân dĩ suy - Tư thân 1*), long đong đến bạc đầu mà có thành việc gì đâu (*Lưu lạc bạch đầu thành để sự - U cự*); thế nhưng khi đã có danh vọng, chức vị, thì lại tha thiết chờ ngày đầu bạc, có thể trở về xóm núi nhặt hạt tung hạt bách (*Tùng hoa bách tử kháng hía thực/ Bạch đầu khú thử tương an quy - Hoàng Mai sơn thượng thôn*). Rất nhiều lần Nguyễn Du nhắc đến tâm trạng chán ngán vì mong đợi mãi mà chưa thực hiện được ý nguyện: Cuộc vui buồn tröm năm bao giờ mới hết (*Bách niên ai lạc hà thời liếu? - Tạp ngâm 1*); Ngoài rặng núi xanh có người chưa trở về (*Thanh sơn ngoại hữu bất quy nhân - Gian công bộ thiêm sự Trần 1*); Gió thu mới đến với người chưa về (*Tây phong tài đáo bất quy nhân - Thu nhật kỷ híng*); Cảnh phù sinh vất vả bao

giờ mới thôi (*Phù sinh lao lục kỷ thời hưu - Đồng Lung giang*)... Thật chí, có những lúc, Nguyễn Du còn nói về cảm giác chờ đợi nhưng thực ra ta cũng không rõ ông chờ điều gì. Chẳng hạn, trong bài thơ *Dạ hành*, ông miêu tả hình ảnh một người đi trong đêm tối, đi mãi mà chẳng biết bây giờ là lúc nào, bao giờ trời mới sáng, cũng chẳng biết sẽ đi tới đâu, để làm gì, được và mất những gì trong cuộc hành trình mù mịt đó khi đầu đã bạc mà vẫn vô dụng, chỉ vụng về tìm cách náu thân:

Hắc dạ hè kỳ mê thất hiếu,

Bạch đầu vô lại chuyết tang thân.

Cảm giác khắc khoải chờ đợi một cái gì đó nhưng rất mơ hồ và cũng chẳng biết bao giờ mới tìm thấy khiến hình tượng con người trong thơ chữ Hán Nguyễn Du có phần tương đồng với hình tượng hai nhân vật trong vở kịch phi lý *Đợi Godot* của Samuel Becket, những kẻ kỳ quặc và có phần ngớ ngẩn khi cả hai cứ kiên nhẫn chờ đợi một người nhưng không biết anh ta là ai, đợi anh ta để làm gì, bao giờ anh ta sẽ tới, không biết mình có đúng đúng chỗ hẹn hay không và thậm chí có lúc còn muốn treo cổ lên cái cây ở chỗ đứng đợi. Mất bao nhiêu thời gian của đời người để đợi nhưng nếu không đợi thì thời gian vẫn trôi nên dù sao còn đợi nghĩa là còn hành động, còn tìm thấy một ý nghĩa nhất định của sự tồn tại.

Nguyễn Du tự biết sự chờ đợi chỉ là vô nghĩa nhưng vẫn cứ phải chờ đợi. Nguyễn Du hiểu rằng những nỗ lực của mình trong một thời đại khủng hoảng về mặt tư tưởng, cuối cùng cũng chỉ dẫn đến chỗ bế tắc, tuyệt vọng nhưng vẫn phải tiến lên như một hình phạt của định mệnh bất khả tri. Nguyễn Du cảm thấy xa lạ, bất hòa hợp với thế giới danh lợi phù phiếm và thậm chí còn không nhận ra chính mình khi ở lâu trong cái thế giới đó nhưng vẫn phải chấp nhận sống chung với nó một cách nhẫn nhục, buồn thỉm. Chung quy, bi kịch của con người trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du xem ra chẳng khác gì bi kịch của Sisyphus. Đó là bi kịch của một con người phi lý “trong cả những nỗi đam mê lẫn nỗi nhục hình của ông”⁽³⁾, một con người ý thức được nỗi khổ ái của việc vần tảng đá lên núi cao để rồi phải buông tay cho đá lại rơi xuống, thế nhưng, thật mỉa mai và đau đớn, suốt đời, ông vẫn phải nhọc nhăn với công việc vô ích và vô vọng đó bằng những bước chân “được nâng đỡ bởi niềm hi vọng thành công”⁽⁴⁾.

5. Lý giải và chứng minh cho sự tồn tại ý thức về cái phi lý của thực tại và bản thể trong thơ chữ Hán Nguyễn Du trước hết là nhằm góp phần làm sáng tỏ tâm trạng uất, khó hiểu đeo đẳng suốt cuộc đời con người tài hoa này. Tuy nhiên, nếu dừng lại ở đó thì chẳng qua ta chỉ mới nhìn thấy phần bùn nỗi của một tảng băng, phần hiện diện trên trang giấy, rất dễ dẫn đến kết luận rằng đó chỉ là biểu hiện cho những phản ứng tâm lý tiêu cực của một nhà nho bất đắc chí, một nghệ sĩ “sinh bất phùng thời”, suốt đời quẩn quanh trong bế tắc, buồn chán và không bao giờ hài lòng với chính mình. Thực ra, những câu hỏi băn khoăn của Nguyễn Du về thời cuộc và nhân sinh chung quy chỉ là những vấn đề hữu hạn, nhất thời, còn ẩn sâu trong đó, điều ông thực sự trăn trở hướng tới lại là “chuyện ngàn năm”, là những giá trị lớn lao, vĩnh hằng và chính những vấn đề đó mới làm nên tầm cao, chiều sâu tư tưởng của thiên tài Nguyễn Du. Hai câu thơ dưới đây trong bài *Mộ xuân túc sự* thể hiện rất rõ điều mà ông thực sự quan tâm:

*Trắc thân bất xuất hữu hình ngoại,
Thiên tuế trường ưu vị tử tiền.*

(Chiếc thân không ra khỏi vòng hữu hình/ Trước khi chết lo mãi chuyện ngàn năm).

Kiếp người vốn ngăn ngài. Sự hưng vong, đắc thất của các triều đại phong kiến xưa nay cũng chỉ là vấn đề bó hẹp trong phạm vi một giai đoạn, một quốc gia, trong khi thiên chức cao cả của một nhà văn là tìm kiếm cái chân lý nhân sinh phô quát, có khả năng đúc kết lịch sử và mọi số phận chứ không chỉ bó hẹp, bế tắc trong bi kịch phi lý của một cá nhân hay tìm kiếm cách giải quyết cho sự khủng hoảng của một vương triều. Suy ngẫm về đời mình, về thời đại của mình nhưng thực chất, Nguyễn Du đang tìm lời giải đáp thấu suốt cho những vấn đề nhân sinh muôn thuở, để có thể thấu hiểu, tương cảm với số phận của người nghìn xưa và tha thiết mong người nghìn sau có thể hiểu được mình. Quả là xác đáng khi Mộng Liên đường chủ nhận định rằng Nguyễn Du là con người có “đôi mắt nhìn thấu sâu cõi và tám lòng nghĩ suốt nghìn đời”.

Mặt khác, đằng sau nhận thức của Nguyễn Du về sự phi lý, vô nghĩa trong mọi nỗ lực lập thân bằng con đường văn chương, đằng sau giọng điệu phủ định chán chường, đau đớn của ông khi nói về từ phú, sách vở là

những suy ngẫm sâu sắc, lớn lao hơn rất nhiều. Thực ra, thứ văn chương mà ông chua chát mỉa mai phủ định trong thơ mình là thứ văn chương lập thân đầy tính chất thực dụng hay thứ văn chương hoa mỹ chỉ dùng để ngâm hoa vịnh nguyệt, ca ngợi thú nhàn tản, độc thiện kỳ thiền. Nguyễn Du không thích thứ văn chương đó. Bằng chứng là thật khó tìm thấy một bài thơ nào mang giọng điệu sáng khoái trọn vẹn của một thi nhân thành thơ, vui sướng hết mình với cuộc đời *khi xem hoa nở khi chờ trăng lên* (*Truyện Kiều*) trong thơ chữ Hán Nguyễn Du. Thơ ông chỉ tràn ngập âm điệu buồn thương, nỗi niềm day dứt cho kiếp người, cho cuộc đời. Thơ ông luôn hướng tới những giá trị vĩnh hằng, những vấn đề muôn thuở của nhân loại với khát vọng, bằng tâm vóc tư tưởng của mình, có thể giúp cho cây cỏ cũng trở thành thiên cổ chỉ nhờ vào một bài thơ (*Thi thành thảo thụ giai thiên cổ - Hán Dương văn diễu*).

Nỗi băn khoăn “chuyện ngàn năm”, cái nhìn sâu sắc, vượt thời đại của Nguyễn Du về văn chương, về cuộc đời và con người rất cần được tiếp tục xem xét, tìm hiểu ở những hướng tiếp cận mới, những diễn giải mới □

Cần Thơ, tháng 7-2015

(1) Nguyễn Du: *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* (Lê Thước, Trương Chính và nhóm tác giả). Tái bản lần 2. Nxb. Văn học, H., 1978. Các dẫn chứng thơ chữ Hán Nguyễn Du trong bài viết đều theo sách này.

(2) Chuyên dẫn từ Phùng Văn Tứu: Mục II- *Những hướng tìm tòi đổi mới*, Chương 7- Eugène Ionesco (*Ogien Iônexco*), trong sách *Văn học phương Tây*. Tái bản lần thứ 13. Nxb. Giáo dục, H., 2010, tr.810.

(3), (4) A. Camus: *Huyền thoại Sisyphé* (Nguyễn Văn Dân dịch). Nxb. Văn hóa - Thông tin, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, H., 2002, tr.257, 258.